

VẤN ĐỀ NẠN NHÂN CỦA TỘI MUA BÁN PHỤ NỮ Ở VIỆT NAM

ThS. NGUYỄN VĂN HƯƠNG *

Tội mua bán phụ nữ (MBPN) ở nước ta trong những năm gần đây đã gây ra nhiều hậu quả xấu đối với các nạn nhân của tội phạm và toàn xã hội. Tội MBPN là loại tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự, hạnh phúc gia đình của người phụ nữ; xâm phạm chính sách, pháp luật về bảo vệ phụ nữ, thực hiện quyền bình đẳng của phụ nữ mà Nhà nước và cả xã hội ta đã cố gắng, nỗ lực thực hiện trong nhiều năm qua.

Khi nghiên cứu về tội MBPN, vấn đề có tính đặc thù của tội phạm này mà người nghiên cứu cần phân tích, làm rõ là vấn đề nạn nhân của tội MBPN. Nạn nhân của tội MBPN là những phụ nữ bị tội phạm này mua bán, trao đổi như những món hàng hoá. Nạn nhân của tội MBPN với những đặc điểm đặc biệt mà khi phân tích cụ thể, toàn diện các đặc điểm này có thể cho phép chúng ta đánh giá khách quan về tính nguy hiểm của tội MBPN, xác định được các yếu tố góp phần vào việc làm phát sinh tội MBPN cũng như xác định một số biện pháp cần thiết để phòng ngừa có hiệu quả đối với tội MBPN ở Việt Nam hiện nay.

1. Các đặc điểm của nạn nhân của tội MBPN ở Việt Nam

Nạn nhân của tội MBPN có nhiều đặc điểm khác nhau, trong bài này chúng tôi chỉ đi sâu phân tích một số đặc điểm “nổi bật” của nạn nhân của tội MBPN - những đặc điểm liên quan đến các yếu tố làm hình

thành nguyên nhân, điều kiện của tội MBPN cũng như có ý nghĩa đối với việc xác định các biện pháp cần thiết để phòng ngừa tội MBPN. Các đặc điểm đó là:

- *Thứ nhất:* Độ tuổi của các nạn nhân của tội MBPN

Đối tượng tác động của tội MBPN là người phụ nữ. Hiện nay chưa có văn bản hay điều luật nào quy định cụ thể về độ tuổi của phụ nữ. Tuy nhiên, nếu đặt tội mua bán phụ nữ “*trong mối quan hệ với tội mua bán trẻ em (Điều 120 BLHS) cũng như với quy định của Điều 1 Luật bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em... có thể xác định người nữ từ đủ 16 tuổi trở lên được coi là phụ nữ và có thể là đối tượng của tội phạm này*”⁽¹⁾

Như vậy, đối tượng tác động của tội MBPN là người thuộc giới nữ từ đủ 16 tuổi trở lên. Trên thực tế, đối tượng tác động của tội MBPN thường là những phụ nữ trẻ từ 16 đến 25 tuổi. Phân tích 60 trường hợp phụ nữ ở tỉnh An Giang bị mua bán (từ năm 1998 - năm 2005), chúng tôi nhận thấy cả 60 phụ nữ này đều ở độ tuổi từ 16 đến 25 tuổi, trong đó có 31,67% ở độ tuổi 16; 28,3% ở độ tuổi 17; 13,3% ở độ tuổi 18; 8,3% ở độ tuổi 19; 6,67% ở độ tuổi 20; từ 21 đến 25 tuổi có 8 phụ nữ (13,3%). Ở tỉnh Quảng Ninh (từ tháng 1/1998 đến 3/2005) có 47 phụ nữ (sinh

* Giảng viên Khoa luật hình sự Trường Đại học Luật Hà Nội

sống trên địa bàn tỉnh này) bị bán ra nước ngoài trong đó có 32 phụ nữ ở độ tuổi từ 16 đến 30 (68%), 9 phụ nữ từ trên 30 đến 45 tuổi (19,2%), 6 phụ nữ trên 45 tuổi (12,8%). Nghiên cứu 337 phụ nữ bị mua bán từ 140 bản án hình sự sơ thẩm,⁽²⁾ chúng tôi nhận thấy có 207 phụ nữ ở độ tuổi từ 16 đến 20 (61,4%), 90 phụ ở độ tuổi từ 21 đến 25 (26,7%) và 40 phụ nữ từ 26 tuổi trở lên (11,9%).⁽³⁾ Những phân tích trên đây cho thấy phần lớn các nạn nhân của tội MBPN là những phụ nữ còn rất trẻ. Đặc điểm này trước hết phản ánh tính nguy hiểm cao của tội MBPN. Vì ở độ tuổi này, người phụ nữ đang là lực lượng lao động quan trọng của gia đình và xã hội. Ở độ tuổi này, phần lớn các nạn nhân của tội phạm còn chưa kết hôn (86,7% trong số 337 phụ nữ khi bị bán còn chưa lập gia đình), hành vi phạm tội không chỉ xâm phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người phụ nữ mà còn xâm phạm nghiêm trọng quan hệ hôn nhân và hạnh phúc gia đình của họ. Mặt khác, vì tuổi còn trẻ, kinh nghiệm sống chưa nhiều và trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn, phải bươn chải kiếm sống, kết hợp với trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật thấp... thì các nạn nhân này rất dễ bị người phạm tội lợi dụng, lừa dối để thực hiện tội MBPN.

- *Thứ hai:* Trình độ học vấn của các nạn nhân của tội MBPN

Trong Báo cáo số 298/BCA (C11) ngày 13/10/2005 của Bộ công an gửi Thủ tướng Chính phủ có nhận định: "*Phần lớn phụ nữ bị mua bán... có trình độ văn hoá thấp...*"⁽⁴⁾ Báo cáo số 380 và Báo cáo số 43/BCA của Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo 130/CP

còn nêu rõ: "*Về trình độ văn hoá: không biết chữ chiếm 26%, học cấp 1- cấp 2 chiếm 71%, cấp 3 chiếm 3%...*"⁽⁵⁾ Nghiên cứu 60 trường hợp phụ nữ ở tỉnh An Giang bị mua bán cho thấy chỉ có 1 phụ nữ có trình độ học vấn lớp 7/12 (1,67%), 5 phụ nữ có trình độ học vấn lớp 5/12 (8,3%), 4 phụ nữ có trình độ học vấn từ lớp 2 đến lớp 4 (6,67%), số còn lại học vấn 0/12 (83,3%). Mặc dù không thống kê được số liệu về trình độ học vấn của 337 phụ nữ bị mua bán (từ 140 bản án hình sự sơ thẩm mà chúng tôi nghiên cứu) nhưng việc nghiên cứu các bản án này qua những tình tiết, đặc điểm nhất định cũng cho thấy rằng trình độ học vấn của các nạn nhân của tội MBPN đều rất thấp.⁽⁶⁾ Những phân tích trên cho thấy phần lớn các nạn nhân của tội MBPN là những người có trình độ học vấn thấp. Việc người phụ nữ có trình độ học vấn thấp có thể là hệ quả của nhiều yếu tố khác nhau, có thể chúng ta chưa cần xem xét, xác định các yếu tố đó là gì nhưng điều chúng ta có thể nhận thấy là người phụ nữ với trình độ học vấn thấp, nhận thức thấp trong hoàn cảnh kinh tế khó khăn, phải đi xa buôn bán, làm thuê... trong tình hình tội phạm có diễn biến phức tạp với nhiều thủ đoạn nguy hiểm, xảo quyệt thì trình độ học vấn thấp và sự nhận thức hạn chế của người phụ nữ là yếu tố giúp cho người phạm tội dễ dàng thực hiện tội phạm, dễ dàng lừa dối đưa bán người phụ nữ ra nước ngoài. Mặt khác, do trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật thấp, người phụ nữ ít có khả năng nhận biết được hành vi phạm tội MBPN, vì vậy, họ khó có thể phòng tránh tội MBPN mà còn dễ dàng bị người phạm tội lừa dối và trở thành nạn nhân của tội phạm này.

- *Thứ ba*: Hoàn cảnh gia đình của các nạn nhân của tội MBPN

Trong Báo cáo của Bộ công an gửi Thủ tướng Chính phủ có khẳng định: “*Phần lớn phụ nữ... bị buôn bán là ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, điều kiện kinh tế khó khăn, thiếu việc làm, hoàn cảnh gia đình éo le...*”⁽⁷⁾

Báo cáo số 380 và Báo cáo số 43/BCA của Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo 130/CP còn nêu rõ các phụ nữ bị mua bán: “*Về hoàn cảnh gia đình: 88% kinh tế khó khăn, 11,7% kinh tế trung bình, 0,3% kinh tế khá...*”⁽⁸⁾

Báo cáo của Tiểu ban chỉ đạo Chương trình 130/CP tỉnh Lạng Sơn và tỉnh Nghệ An cũng nhận định: “*Cơ bản người bị hại thuộc nhóm người khá đặc biệt: ... gia đình có hoàn cảnh éo le, đặc biệt khó khăn phải đi làm thuê để kiếm sống...*”⁽⁹⁾ “*Bọn phạm tội thường lợi dụng địa bàn vùng nông thôn, miền núi, rẻo cao để hoạt động... Đối tượng mà bọn phạm tội thường nhằm vào là những phụ nữ “quá lứa lỡ thì”, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn...*”⁽¹⁰⁾ Nghiên cứu 337 nạn nhân của tội MBPN (từ 140 bản án hình sự sơ thẩm), chúng tôi nhận thấy: 86,9% số nạn nhân của tội MBPN là những phụ nữ sinh sống ở nông thôn, miền núi và hầu hết trong số các nạn nhân có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Như vậy, đặc điểm nổi bật thuộc về hoàn cảnh của các nạn nhân của tội MBPN là phần lớn nạn nhân của tội MBPN sinh sống ở các vùng nông thôn, miền núi, thiếu việc làm và kinh tế khó khăn. Điều này làm cho người phụ nữ (nạn nhân) thường phải đi xa tìm kiếm việc làm, buôn bán, làm thuê... Điều này làm cho người phạm tội có điều kiện để tiếp cận, lừa dối các nạn nhân và thực hiện tội MBPN. Người phạm tội thường lừa dối các nạn nhân

dưới các hình thức khác nhau như rủ đi buôn bán, làm ăn hoặc thuê nhân công với sự hứa hẹn trả lương cao hoặc môi giới đi lao động ở nước ngoài... để đưa bán người phụ nữ vào các ổ mại dâm ở thành thị hoặc đưa bán phụ nữ Việt Nam ra nước ngoài.

Ngoài ra, đặc điểm thuộc về hoàn cảnh của các nạn nhân cũng thường bị người phạm tội lợi dụng để thực hiện tội MBPN đó là sự “quá lứa”, “khó lấy chồng” của một số phụ nữ. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, dân số nước ta tính đến thời điểm ngày 01/01/2006 là 84,156 triệu người, trong đó nam giới là 41,355 triệu người (chiếm 49,14%); nữ giới là 42,801 triệu người (50,86%). Sự chênh lệch về dân số nam và dân số nữ làm cho ở nước ta hiện nay có khá nhiều phụ nữ rơi vào tình trạng “quá lứa”, “khó lấy chồng”. Điều này kết hợp với hoàn cảnh kinh tế khó khăn đã làm cho ngày càng nhiều phụ nữ Việt Nam có nhu cầu lấy chồng nước ngoài như Trung Quốc, Đài Loan... Kết quả tổng điều tra rà soát của công an các địa phương cho thấy: Từ năm 1998 đến năm 2005 đã “*phát hiện, lên danh sách 111.057 phụ nữ kết hôn với người nước ngoài, trong số đó có hơn 10.711 phụ nữ tự ý vượt biên ra nước ngoài lấy chồng*”.⁽¹¹⁾ Việc nhiều phụ nữ Việt Nam muốn tìm kiếm cơ hội đổi đời hay có nhiều phụ nữ “quá lứa” muốn “lấy chồng nước ngoài” đã trở thành cơ hội thuận lợi cho người phạm tội “mai mối”, lừa dối “gả chồng nước ngoài” để đưa phụ nữ Việt Nam ra nước ngoài bán.

- *Thứ tư*: Nghề nghiệp, việc làm của các nạn nhân của tội MBPN

Nghiên cứu 337 phụ nữ bị mua bán cho thấy: 66,8% số phụ nữ trước khi bị bán sống bằng nghề làm ruộng, trồng trọt; 33,1% số

phụ nữ trước khi bị bán không có nghề nghiệp hoặc chỉ làm nghề tự do như làm thuê, làm mướn, buôn bán nhỏ. Phân tích 60 trường hợp phụ nữ ở tỉnh An Giang bị mua bán (1998-2005) cho thấy: 42 phụ nữ trước khi bị bán không có nghề nghiệp (70%), 5 phụ nữ làm nghề nội trợ (8,33%), 13 phụ nữ trước khi bị bán sống bằng nghề làm thuê (21,67%). Báo cáo số 380 và Báo cáo số 43 của Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo 130/CP khi phân tích đặc điểm các phụ nữ bị mua bán có nhận định: “Về nghề nghiệp: 4% là học sinh, sinh viên, 63% làm ruộng, 33% không có nghề nghiệp hoặc làm nghề tự do...”⁽¹²⁾

Như vậy, phần lớn nạn nhân của tội MBPN là những người không có nghề nghiệp hoặc có thì cũng chỉ là nghề có thu nhập thấp, thu nhập không ổn định. Tình trạng không có việc làm, thiếu việc làm, thu nhập thấp, đời sống khó khăn làm cho nhiều người lao động ở khu vực nông thôn, miền núi (trong đó có nhiều phụ nữ trẻ) di chuyển về khu vực thành thị tìm kiếm việc làm, buôn bán, làm thuê... Người phụ nữ nông thôn, miền núi có hoàn cảnh phải đi xa tìm việc làm, buôn bán, làm thuê kết hợp với trình độ học vấn thấp, nhận thức thấp và sự nhẹ dạ cả tin làm cho họ rất dễ bị lừa dối và trở thành nạn nhân của tội MBPN.

Các đặc điểm của nạn nhân của tội MBPN đã phân tích trên đây có quan hệ chặt chẽ với nhau và có quan hệ chặt chẽ với phương thức, thủ đoạn thực hiện tội phạm của người phạm tội MBPN. Người phạm tội thường lợi dụng các đặc điểm hạn chế, bất lợi của các nạn nhân của tội MBPN để lừa dối và đưa bán họ ra nước ngoài. Vì vậy để hạn chế, tiến tới loại bỏ tình trạng phụ nữ bị lừa dối,

bị đưa bán ra nước ngoài chúng ta cần phải có các biện pháp vừa đảm bảo ngăn chặn có hiệu quả đối với tội MBPN trong thời gian trước mắt, vừa phải đảm bảo khả năng loại bỏ tận gốc các nguyên nhân, điều kiện của tội MBPN trong nhiều năm tiếp theo.

2. Các biện pháp phòng ngừa tội MBPN đối với các nạn nhân của tội phạm

Việc phòng ngừa tội phạm nói chung, tội MBPN nói riêng có thể được đặt ra với các đối tượng khác nhau như: đối với người phạm tội (người có khả năng thực hiện tội phạm); đối với mọi người dân trong xã hội (cộng đồng xã hội); và đối với nạn nhân của tội phạm (người có nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm).

Trong các nguyên nhân, điều kiện của tội MBPN thì có nguyên nhân, điều kiện thuộc về nạn nhân của tội phạm. Vì vậy, việc phòng ngừa tội MBPN đối với các nạn nhân của tội phạm nhằm mục đích là “tăng cường các biện pháp làm khó hơn cho việc thực hiện tội phạm”; “khắc phục tình trạng vô tình tạo điều kiện cho việc phạm tội của người khác đối với chính mình”⁽¹³⁾ là rất cần thiết.

Việc phòng ngừa tội MBPN đối với các nạn nhân của tội phạm, theo chúng tôi cần thực hiện các biện pháp cụ thể sau:

- *Một là*: Tích cực tuyên truyền trong cộng đồng, nhất là đối với phụ nữ các quy định của pháp luật về quyền bình đẳng của phụ nữ, bảo vệ phụ nữ và tội MBPN.

Người phụ nữ chính là đối tượng của tội MBPN, là nạn nhân của tội MBPN. Việc phòng ngừa tội MBPN đòi hỏi phải nâng cao nhận thức của người phụ nữ về các quyền của họ mà trước hết là làm cho họ hiểu biết các quy định của pháp luật về quyền bình đẳng

của phụ nữ, bảo vệ phụ nữ và tội MBPN để họ chủ động, tích cực bảo vệ các quyền của mình và dũng cảm đấu tranh khi các quyền của họ bị xâm phạm. Khi nhận thức đầy đủ về các quyền của mình, hiểu biết về hành vi phạm tội MBPN, người phụ nữ sẽ có ý thức cảnh giác đề phòng tội phạm, đấu tranh chống tội phạm khi bị tội phạm này xâm hại.

Để nâng cao nhận thức, khả năng tự bảo vệ và ý thức cảnh giác phòng ngừa tội phạm của người phụ nữ thì các cấp chính quyền, các cơ quan chức năng cần tích cực tuyên truyền trong cộng đồng, nhất là tuyên truyền đối với phụ nữ các quy định của pháp luật về quyền bình đẳng của phụ nữ, về bảo vệ phụ nữ và tội MBPN. Đặc biệt là các cấp chính quyền, các cơ quan chức năng cần tuyên truyền thường xuyên, cảnh báo kịp thời các phương thức, thủ đoạn của tội phạm MBPN để người phụ nữ có thể nhận biết được tội phạm, cảnh giác phòng tránh và dũng cảm đấu tranh chống tội phạm, tự giải thoát cho mình khi bị tội phạm xâm hại. Việc tuyên truyền về phòng, chống tội MBPN cần phải được quan tâm đặc biệt tại các địa phương là “địa bàn trọng điểm” về tội MBPN, các địa bàn có đông người nhập cư, các địa phương mà người dân có “truyền thống”, “tập quán” đi làm, đi buôn bán ở các tỉnh xa để mọi người dân chú ý đề phòng tội phạm, phát hiện, tố giác người phạm tội MBPN.

- Hai là: Tăng cường quản lý một số lĩnh vực hoạt động có liên quan trực tiếp đến phụ nữ - những người có thể trở thành nạn nhân của tội MBPN.

Ở các vùng nông thôn, miền núi nước ta hiện nay do tình hình kinh tế, xã hội chậm phát triển, người lao động thiếu việc làm, thu

nhập thấp, tình trạng đói nghèo của người dân còn chiếm tỉ lệ cao. Vì vậy, có nhiều phụ nữ nông thôn, miền núi phải đi xa tìm việc làm, buôn bán, làm thuê kiếm sống; một số phụ nữ này sinh nhu cầu tìm kiếm cơ hội đổi đời như “đi xuất khẩu lao động”, “lấy chồng nước ngoài”... Người phụ nữ nông thôn, miền núi vốn có nhiều đặc điểm hạn chế như trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật thấp kết hợp với hoàn cảnh đi làm ăn, buôn bán ở tỉnh xa hoặc háo hức tìm mọi cách để đi xuất khẩu lao động, lấy chồng nước ngoài... đó là những cơ hội thuận lợi cho tội MBPN phát sinh. Người phạm tội thường lợi dụng hoàn cảnh khó khăn, sự nhẹ dạ, mất cảnh giác của nạn nhân để thực hiện tội MBPN. Vì vậy, việc phòng ngừa tội MBPN đòi hỏi phải tăng cường quản lý một số lĩnh vực hoạt động có liên quan trực tiếp đến người phụ nữ. Cụ thể là:

- Chính quyền cơ sở và công an cấp phường, xã phải tăng cường quản lý dân cư (quản lý nhân khẩu, hộ khẩu, hoạt động khai báo tạm trú, tạm vắng), nhất là ở những địa phương “có phong trào” đi làm ăn, buôn bán ở các tỉnh xa và các địa bàn có đông người từ nơi khác đến làm ăn, buôn bán như các thành phố, thị xã, khu công nghiệp, khu vực biên giới, cửa khẩu... Theo báo cáo của Bộ công an, tính đến năm 2006 cả nước có tới 7.940 phụ nữ, trẻ em “vắng mặt lâu ngày tại địa phương” nhưng chính quyền và cơ quan chức năng ở địa phương không biết họ đang ở đâu mà chỉ “ngghi đã bị bán ra nước ngoài”.⁽¹⁴⁾ Vì vậy, việc tăng cường quản lý nhân khẩu, hộ khẩu, việc khai báo tạm trú, tạm vắng sẽ giúp cho các cơ quan chức năng sớm phát hiện tội

MBPN để ngăn chặn, xử lý tội phạm, giải cứu các nạn nhân của tội phạm.

- Trong những năm qua, có nhiều người phạm tội đã lợi dụng một số quy định của pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực xuất khẩu lao động, kết hôn với người nước ngoài còn chưa chặt chẽ để thực hiện tội MBPN. Các “kẻ hở của pháp luật” kết hợp với tình trạng nhiều phụ nữ có nhu cầu đi xuất khẩu lao động, kết hôn với người nước ngoài đã trở thành những cơ hội thuận lợi cho người phạm tội thực hiện tội MBPN. Vì vậy, các cấp chính quyền, nhất là chính quyền cấp cơ sở và các cơ quan chức năng như công an, tư pháp... phải tăng cường quản lý các hoạt động xuất khẩu lao động, kết hôn với người nước ngoài để sớm phát hiện, ngăn chặn tội MBPN và giải cứu các nạn nhân của tội phạm.

- Chính quyền cấp cơ sở và cơ quan chức năng cần giúp đỡ, tạo điều kiện cho các phụ nữ bị mua bán trở về tái hoà nhập cộng đồng đồng thời quản lý chặt những người này nhằm tránh cho họ việc có thể tiếp tục bị lừa dối, cưỡng ép và lại trở thành nạn nhân của tội MBPN. Việc quản lý chặt các đối tượng này còn nhằm ngăn chặn tình trạng một số phụ nữ sau khi bị bán trở về do có tâm lý mặc cảm, cuộc sống gặp nhiều khó khăn, họ lại biết được thủ đoạn của tội phạm, địa điểm MBPN nên từ nạn nhân mà một số phụ nữ lại trở thành người phạm tội MBPN.⁽¹⁵⁾

- *Ba là:* Phát triển kinh tế - xã hội và hạn chế các tác động tiêu cực của việc phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn, miền núi

Phần lớn phụ nữ bị mua bán là ở các vùng nông thôn, miền núi, có “*điều kiện kinh tế khó khăn, thiếu việc làm...*”⁽¹⁶⁾ Vì vậy, việc

đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội ở khu vực nông thôn, miền núi sẽ góp phần làm giảm tình trạng đói nghèo, không có việc làm, thiếu việc làm của người lao động ở các khu vực này để hạn chế việc người phụ nữ phải đi xa làm ăn, buôn bán từ đó giảm bớt tình trạng người phụ nữ bị lừa dối đưa bán ra nước ngoài - tức là hạn chế tội MBPN phát sinh do những khó khăn về kinh tế và sự mất cảnh giác của các nạn nhân của tội phạm.

Tuy nhiên, việc phát triển kinh tế xã hội chỉ mang lại hiệu quả bền vững và phát huy được được tác dụng hạn chế các nguyên nhân, điều kiện của tội MBPN khi kết hợp giải quyết tốt các vấn đề như: Phát triển kinh tế phải kết hợp với khai thác tốt các tiềm năng sẵn có của địa phương; phát triển kinh tế kết hợp với hạn chế và loại bỏ được các yếu tố tiêu cực phát sinh từ quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá để đất canh tác bị thu hồi phục vụ cho phát triển công nghiệp, đô thị nhưng người lao động không bị đẩy vào tình trạng thiếu việc làm hoặc không có việc làm.

- *Bốn là:* Phát triển giáo dục, đào tạo ở khu vực nông thôn, miền núi

Phần lớn nạn nhân của tội MBPN là ở những vùng nông thôn, miền núi, có “*... trình độ văn hoá thấp...*”⁽¹⁷⁾ vì vậy, việc phát triển giáo dục đào tạo, khắc phục những hạn chế, bất cập của hoạt động giáo dục đào tạo ở khu vực nông thôn, miền núi hiện nay là rất cần thiết. Việc phát triển giáo dục đào tạo ở các khu vực nông thôn, miền núi sẽ tạo điều kiện để người phụ nữ ở các khu vực này nâng cao trình độ học vấn, kiến thức nghề nghiệp, tạo việc làm thích hợp để người phụ nữ không phải đi làm ăn xa hay tìm kiếm cơ

hội đồng ở nơi khác. Việc phát triển giáo dục, đào tạo ở các khu vực này còn tạo điều kiện cho phụ nữ nâng cao nhận thức xã hội, hiểu biết pháp luật, có khả năng nhận biết những hành vi phạm tội đối với mình, đặc biệt là tội MBPN để cảnh giác phòng tránh tội phạm từ đó giảm tình trạng phụ nữ do học vấn thấp, hiểu biết thấp bị lừa dối mà trở thành nạn nhân của tội MBPN.

Các biện pháp trên đây có quan hệ chặt chẽ với nhau nhằm mục đích giúp người phụ nữ nâng cao cảnh giác để phòng ngừa tội MBPN. Các biện pháp thứ nhất và thứ hai là những biện pháp có thể đem lại hiệu quả nhanh chóng (giúp người phụ nữ phòng ngừa có hiệu quả đối với tội MBPN) trong thời gian trước mắt. Các biện pháp thứ ba và thứ tư là những biện pháp có tác dụng loại bỏ tận gốc nguyên nhân, điều kiện của tội MBPN xuất phát từ chính bản thân người phụ nữ, từ hoàn cảnh khó khăn, hiểu biết thấp kém và những xử sự thiếu thận trọng, mất cảnh giác của người phụ nữ qua đó qua đó giúp người phụ nữ phòng ngừa có hiệu quả đối với tội MBPN trong những năm tiếp theo./.

(1).Xem: Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, Tập I, Nxb. CAND, Hà Nội, 2005, tr. 428.

(2). 140 Bản án hình sự sơ thẩm tác giả thu thập ngẫu nhiên từ toà án của 12 tỉnh, thành phố trên cả nước.

(3). Ngoài ra, chúng tôi còn tiến hành điều tra xã hội học dưới dạng phiếu khảo sát với 482 người (gồm: 178 sinh viên chính quy của Trường Đại học Luật Hà Nội; 258 cán bộ làm việc trong các cơ quan nhà nước, cơ quan bảo vệ pháp luật và 46 người làm nghề tự do đang theo học tại các lớp đại học tại chức luật). Trong số 482 người được hỏi có 80,5% số người cho rằng những phụ nữ bị mua bán thường ở độ tuổi từ 16 đến 25.

(4), (7), (16), (17).Xem: “*Báo cáo thực trạng tình hình buôn bán phụ nữ, trẻ em ra nước ngoài và các biện pháp ngăn chặn*” số 298/BCA (C11) của Bộ công an gửi Thủ tướng Chính phủ ngày 13/10/2005, tr.1.

(5), (8), (11), (12). Ban chỉ đạo chương trình 130/CP, số 380/BCA (VPTT130/CP) ngày 21/12/2005, *Báo cáo sơ kết một năm thực hiện Chương trình hành động phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em*. tr. 1, tr. 2; Ban chỉ đạo chương trình 130/CP, số 43/BCA (VPTT130/CP) ngày 28/02/2006, *Báo cáo kiểm điểm thực hiện Chương trình 130/CP năm 2005 và phương hướng công tác năm 2006*, tr. 1.

(6). Trong số 140 bản án hình sự sơ thẩm về tội MBPN (tác giả nghiên cứu) đều không có mục ghi trình độ học vấn của các nạn nhân nhưng qua nghiên cứu nội dung các bản án với những tình tiết nhất định chúng tôi nhận thấy trong số 337 nạn nhân chỉ có 3 người có trình độ học vấn ở bậc THPT (lớp 10/12) trong đó có 2 người còn đang đi học, có 2 nạn nhân có học vấn lớp 7/12 và lớp 9/12, có 4 nạn nhân có học vấn ở bậc tiểu học (lớp 2 - lớp 5) và có khoảng 14 người thuộc trường hợp chưa từng được đi học hoặc không biết chữ.

(9). Tiểu Ban chỉ đạo Chương trình 130/CP tỉnh Lạng Sơn (3/2006), *Công tác phòng chống tội phạm mua bán phụ nữ trẻ em năm 2005 của tỉnh Lạng Sơn...*, tr.3 (Báo cáo tham luận Hội nghị kiểm điểm 1 năm...).

(10). Tiểu Ban chỉ đạo Chương trình 130/CP tỉnh Nghệ An (3/2006), *Những khó khăn vướng mắc và vấn đề rút ra từ thực tiễn công tác phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em tại địa bàn Nghệ An*. tr.2 (Báo cáo tham luận Hội nghị kiểm điểm 1 năm...).

(13).Xem: GS.TS. Nguyễn Ngọc Hoà (2007), “*Phòng ngừa tội phạm trong tội phạm học*”, Tạp chí luật học, số 6/2007, tr. 31.

(14). Ban chỉ đạo chương trình 130/CP, số 85 (02/3/2006), *Báo cáo sơ kết thực hiện Chương trình hành động phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em giai đoạn I (2004-2006)*, tr. 6.

(15). Bản án số 88/2005/hình sự sơ thẩm ngày 23/8/2005 của TAND tỉnh Lạng Sơn; hoặc xem: “*Ba cô gái Việt bị bán vào động mại dâm nước ngoài*” (Nguồn: <http://vnexpress.net/Vietnam/Phap-luat/2008/01/3B9FE52B>).